TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17** /2018/HNGĐ - ST
Ngày: 23/5/2018
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Nguyễn Thị Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 23/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, về việc "Ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST - DS ngày 08/5/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông L V H, sinh năm 1966 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Tr Th D - Sinh năm 1967 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã T T, huyện N C, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 17/3/2018 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn ông Lê Văn Hiến trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Tr Th D có tìm hiểu và xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện từ tháng 10 năm 1988, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được đến tháng 8/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà D uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2017 và thôi quan hệ sinh lý từ đó cho đến nay. Hiện nay bà D không có thai nghén gì với ông. Xác định

mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, ông xin được ly hôn với bà Tr Th D.

Tại bản tự khai nộp ngày 09/4/2018 bị đơn bà Tr Th D trình bày:

Bà và ông L V H có tìm hiểu và xây dựng gia đình vào đầu năm 1988, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ khác nên không còn quan tâm, chăm lo đến hạnh phúc gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ khoảng hai năm nay, hiện nay bà không có thai nghén gì với ông H. Bà xác định tình cảm vợ chồng không thể hằn gắn được nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ông H và bà D thống nhất trình bày: Ông bà có 05 con chung. Con đầu L V H, sinh ngày 12/4/1988. Con thứ hai L V H, sinh ngày 12/9/1990. Con thứ ba L Th H, sinh ngày 26/6/1993. Con thứ tư L V H, sinh ngày 06/12/2008. Con thứ năm L Th H, sinh ngày 26/12/2011. Đối với các cháu L V H, cháu L V H, cháu L Th H đã trưởng thành và có gia đình riêng. Còn 02 cháu L V H và cháu L Th H hiện đang ở với ông bà.

Ông H và bà D thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu L V Hi và cháu L Th H, bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Ông Hiến và bà Da thống nhất tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Bà D chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con. Phần tài sản hai bên thống nhất tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật TTDS. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71, điều 234 bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 14,15, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điều 3 Nghị quyết 35/QH khoá X và Nghị quyết 02/2000 ngày 23 tháng 12 năm 2000 của HĐTP-TANDTC. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Tuyên bố không công nhận ông L V H và bà Tr Th D là vợ chồng. Về con chung: Giao cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê V H và cháu L ThH. Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản và công nợ chung: Hai bên thống nhất tự thoả thuận phân chia

không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: ông H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Về Hôn nhân: Ông H và bà D xây dựng hạnh phúc gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi nhưng không có đăng ký kết hôn.Trên thực tế hai bên là vợ chồng, nhưng theo luật Hôn nhân gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà D chưa được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Bà D hay uống rượu, nghi ngờ ông H có người phụ nữ khác.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hai bên sống ly thân 02 năm nay và không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, kéo dài. Tình cảm hai bên không còn. Nếu hôn nhân hợp pháp, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014 thì cho hai bên ly hôn là phù hợp. Tuy nhiên, ông H và bà D không có đăng ký kết hôn, do vậy căn cứ điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 3 Nghị quyết 35/QH khoá X và Nghị quyết 02/2000 ngày 23 tháng 12 năm 2000 để tuyên bố: Không công nhận ông H và bà D là vợ chồng.

{2}Về con chung: Ông bà có 05 con chung, 03 cháu đã thành niên. Ông H và bà D thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: Bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu L V H sinh ngày 06/12/2008 và cháu L Th H, sinh ngày 26/12/2001. Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận phân chia nghĩa vụ nuôi con chung của ông H và bà D là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

{3}Về tài sản và công nợ chung: Ông H và bà D thống nhất tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

{4}Về án phí: Ông H làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH khoá X; Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP-TANDTC ngày 23/12/2000; Điều 15,51,53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật

TTDS năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử*: Về Hôn nhân*: Không công nhận ông L V H và bà Tr Th D là vợ chồng.

Về con chung: Các cháu L V H, sinh ngày 12/4/1988; L V H, sinh ngày 12/9/1990; L Th H sinh ngày 26/6/1993 đã thành niên.

Ghi nhận sự thỏa thuận việc phân chia nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung như sau:

Bà Da trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu L V H, sinh ngày 06/12/2008 và cháu L Th H, sinh ngày 26/12/2011. Bà D không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Ông H và bà D thống nhất tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết .

Về án phí: Ông H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, theo biên lai thu số AA/2015/0006602 ngày 19/3/2018. Chấp nhận ông H đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn, bị đơn trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hữu Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Anh **Lê Thị Dệt** **Phạm Hữu Thắng**

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Phan

2. Ông Lê Đức Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký TAND huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên

Ngày 27/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST - HNGĐ ngày 31/01/2018 về việc Ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Viết Việt, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Yên Cách, xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Lê Thị Thu, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nộp ngày 31/01/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Viết Việt trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Viết Việt và chị Lê Thị Thu xây dựng hạnh phúc gia đình tự nguyện, có tổ chức đám cưới đăng kí kết hôn tại UBND xãTế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/8/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2011 chị Thu đưa con về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm ai. Nay anh Việt xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Lê Thị Thu.

- Tại bản tự khai ngày 02 tháng 02 năm 2018, bị đơn chị Lê Thị Thu trình bày:

Chị và anh Việt xây dựng gia đình tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Tế Thắng, ngày 26/8/2010. Sau cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tới tháng 3 năm 2011 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình và cách sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khi bàn việc mỗi người một ý. Vì nguyên nhân trên mâu thuẫn xẩy ra, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gây không khí căng thẳng cho gia đình. Tháng 12 năm 2011 chị Thu mang con về bên ngoại sinh sống được phép của gia đình bên nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi sống ly thân hai bên không quan tâm, liên lạc với nhau. Chị Thu xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, anh Việt làm đơn ly hôn chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị Thu và anh Việt thống nhất trình bầy vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày 01/9/2010. Hiện đang ở với chị Thu.

Nguyện vọng của anh Việt giao con cho chị Thu trực tiếp nuôi dưỡng. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của phápluật.

Nguyện vọng của chị Thu xin được nuôi con và đề nghị anh Việt cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Việt và chị Thu trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Việt và chị Thu vắng mặt. Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về Tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật TTDS. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 bộ luật TTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 228, khoản 4 Điều 147, điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận anh Nguyễn Viết Việt đ- ợc ly hôn chị Lê Thị Thu. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Bảo, cho chị Thu trực tiếp nuôi d- ỡng, anh Việt chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, tính từ tháng 3/2018 cho đến khi con thành niên.Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Anh Việt phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{1} Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nông Cống thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh Việt và chị Thu là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Việt và chị Thu có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh Việt và chị Thu là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và cách sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vì nguyên nhân trên mâu thuẫn xẩy ra, vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây không khí căng thẳng cho gia đình.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: Anh Việt và chị Thu sống ly thân đã 07 năm, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Việt và chị Thu đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống

chung đã chấm dứt. Nay anh Việt xin ly hôn, về phía chị Thu cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

Về con chung: Chị Thu có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng, anh Việt cũng đã đồng ý. Vì vậy HĐXX giao cho chị Thu trực tiếp nuôi con Nguyễn Gia Bảo là phù hợp. Anh Việt thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3 / 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ chung: Anh Việt và chị Thu không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Anh Việt làm đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Việt thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000đ

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiểu mục 1.1, mục 1 phần II của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

- *Tuyên xử:*

Về Hôn nhân: Chấp nhận anh Nguyễn Viết Việt đ- ợc ly hôn chị Lê Thị Thu.

Về con chung: Giao cho chị Thu trực tiếp nuôi d- ỡng cháu Nguyễn Gia Bảo, sinh ngày ngày 01/9/2010. Anh Việt thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Việt có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Viết Việt phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006560 ngày 31/01/2018. Chấp nhận anh Việt đã nộp đủ tiền án phí DSST. Anh Việt phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho nguyên đơn, bị đơn trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết công khai.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Vạn Thiện;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng

H□I □□NG X□T X□

H□I THỘM NHÂN DÂN THỘM PH□N – CH□ TO□ PHI□N TOÀ

Lê Đức Thuận **Đỗ Ngọc Phan** **Phạm Hữu Thắng**

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Vạn Thiện;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng

H□I □□NG X□T X□
H□I THỘM NHÂN DÂN

THỘM PH□N – CH□ TO□ PHI□N TOÀ

Nguyễn Ngọc Tiến **Lê Thị Dệt** **Phạm Hữu Thắng**